

Court of Washington, County of _____
Tòa Án Washington, Quận _____

Petitioner
Nguyễn Đơn

DOB
Ngày Sinh

vs.
kiện

Respondent
Bị Đơn

DOB
Ngày Sinh

No. _____
Số _____

**Order Modifying or Terminating
Protection Order**
**Ra Lệnh Sửa Đổi hoặc Chấm Dứt Lệnh
Bảo Vệ**

Modified (Requested by)

Đã Sửa Đổi (Được yêu cầu bởi)

☐ ORMPO (protected person)

ORMPO (người được bảo vệ)

☐ ORMPOR (restrained person)

ORMPOR (người bị ngăn cấm)

Terminated (Requested by)

Đã Chấm Dứt (Được yêu cầu bởi)

☐ ORTPO (protected person)

ORTPO (người được bảo vệ)

☐ ORTPOR (restrained person)

ORTPOR (người bị ngăn cấm)

Clerk's Action Required: 5, 6, 7

Việc Lục Sự Cần Làm: 5, 6, 7

☐ Domestic Violence

Bạo Hành Gia Đình

☐ Sexual Assault

Tấn Công Tình Dục

☐ Stalking

Theo Dõi

☐ Unlawful Harassment

Quấy Rối Bất Hợp Pháp

☐ Vulnerable Adult

Người Lớn Yếu Thế

Order Modifying or Terminating Protection Order
Ra Lệnh Sửa Đổi hoặc Chấm Dứt Lệnh Bảo Vệ

1. **A motion was made by:**
Một kiến nghị đã được đưa ra bởi:
- ☐ The protected person.
 Người được bảo vệ.
- ☐ Someone on behalf of the protected person, (name) _____,
 who has authority to act on the protected person's behalf because (explain):
 Người nào đó thay mặt cho người được bảo vệ, (tên) _____,
 có quyền hành động thay mặt người được bảo vệ bởi vì (giải thích):

- ☐ The restrained person. (**Not allowed for Vulnerable Adult Protection Orders**)
 Người bị ngăn cấm. (**Không** được phép đối với Lệnh Bảo Vệ Người Lớn Yếu Thế)
- ☐ This is the restrained person's only motion to modify or terminate filed during the
 current 12 month period following entry of the order.
 Đây là kiến nghị duy nhất của Người Bị Ngăn Cấm để sửa đổi hoặc chấm dứt
 được nộp trong khoảng thời gian 12 tháng hiện tại sau khi có lệnh.
2. **A hearing was held on (date) _____.** These people attended:
Một phiên xét xử đã được tiến hành vào (ngày) _____. Những người này đã đến
 tham dự:
- | | |
|---|--|
| ☐ Protected Person
Người Được Bảo Vệ | ☐ in person ☐ by phone ☐ by video
[-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video |
| ☐ Protected Person's Lawyer
Luật Sư Của Người Được Bảo Vệ | ☐ in person ☐ by phone ☐ by video
[-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video |
| ☐ Petitioner (if not the protected person)
Nguyên Đơn (nếu không phải là người được bảo vệ) | ☐ in person ☐ by phone ☐ by video
[-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video |
| ☐ Restrained Person
Người Bị Ngăn Cấm | ☐ in person ☐ by phone ☐ by video
[-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video |
| ☐ Restrained Person's Lawyer
Luật Sư Của Người Bị Ngăn Cấm | ☐ in person ☐ by phone ☐ by video
[-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video |
| ☐ Other: _____
Khác: | ☐ in person ☐ by phone ☐ by video
[-] trực tiếp [-] qua điện thoại [-] qua video |
3. The court considered the pleadings, relevant portions of the file, and testimony, if any.
 Tòa án đã xem xét các lời bào chữa, các phần liên quan của hồ sơ và lời khai, nếu có.
- The court finds:**
Tòa án nhận thấy:
- _____
- _____
- _____
- _____
- _____

4. **The court orders:**
Các lệnh tòa:

- [] The *Temporary Protection Order*, entered on (date) _____ is
Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời, đã ban hành vào (ngày) _____ là
- [] The *Protection Order*, entered on (date) _____ that expires on
(date) _____ is
Lệnh Bảo Vệ, đã ban hành vào (ngày) _____ hết hạn vào
(ngày) _____ là
- [] The other order (title of order) _____, entered
on (date) _____, that expires on (date, if any) _____ is
Lệnh khác (tiêu đề lệnh) _____, đã ban
hành vào (ngày) _____, hết hạn vào (ngày, nếu có) _____ là
- [] **terminated** as of (time) _____ [] a.m. [] p.m. today. Any Order to
Surrender and Prohibit Weapons issued under this case number is also
terminated at the same time.
đã chấm dứt kể từ (giờ) _____ [-] a.m. [-] p.m. ngày hôm nay. Bất kỳ Lệnh
Giao Nộp và Cấm Vũ Khí được ban hành theo số vụ án này cũng được chấm dứt
vào cùng một thời gian.
- [] **modified**. The order is continued in effect with the following changes (specify the
section number/s and specific provision/s that are changed):
đã sửa đổi. Lệnh tiếp tục có hiệu lực với các thay đổi sau đây (nêu rõ (các) số
mục và (các) điều khoản cụ thể được thay đổi):

5. [] **Temporary Modification**

Sửa Đổi Tạm Thời

This order is a temporary modification. It will be effective until the next hearing date
on (date) _____, at (time) _____, at (location) _____.

Lệnh này là một sửa đổi tạm thời. Lệnh sẽ có hiệu lực cho đến ngày xét xử tiếp theo
vào (ngày) _____, lúc (giờ) _____, tại (địa điểm) _____.

(To modify the *Temporary Protection Order* until the full hearing, use form PO 030,
Temporary Protection Order and Hearing Notice.)
(Để sửa đổi Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời cho đến phiên xét xử đầy đủ, hãy sử dụng mẫu đơn
PO 030, Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời và Thông Báo Phiên Xét Xử.)

6. **Washington Crime Information Center (WACIC) And Other Data Entry**
Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Washington (WACIC) và Nhập Dữ Liệu Khác

Clerk's Action. The court clerk shall forward a copy of this order immediately to the following law enforcement agency (*county or city*) _____

(*check only one*): ☐ Sheriff's Office or ☐ Police Department

(*List the same agency that entered the first order*)

Việc Lục Sự Làm. Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp bản sao lệnh này ngay lập tức đến cơ quan thực thi pháp luật sau đây (*quận hoặc thành phố*)

(*đánh dấu chỉ một mục*): ☐ Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc ☐ Sở Cảnh Sát

(*Liệt kê cùng cơ quan đã ban hành lệnh đầu tiên*)

This agency shall enter this order into WACIC and National Crime Info. Center (NCIC).
Cơ quan này sẽ nhập lệnh này vào WACIC và Trung Tâm Thông Tin Tội Phạm Quốc Gia (NCIC).

7. **Service**
Tổng đạt

☐ **Required.** (*Name*) _____ must be served with a copy of this order.
Bắt buộc. (*Tên*) _____ phải được tổng đạt một bản sao lệnh này.

☐ The **law enforcement agency** where the nonmoving person lives or can be served shall serve the nonmoving person with this order and shall promptly complete and return proof of service to this court.

Cơ quan thực thi pháp luật nơi người không di chuyển sống hoặc có thể được tổng đạt sẽ tổng đạt cho người không di chuyển một lệnh này và phải nhanh chóng hoàn tất và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Law enforcement agency: (*county or city*) _____

(*check only one*): ☐ Sheriff's Office or ☐ Police Department

Cơ quan thực thi pháp luật: (quận hoặc thành phố)

(*đánh dấu chỉ một mục*): ☐ Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc ☐ Sở Cảnh Sát

☐ The **person who made this motion** shall make private arrangements for service and have proof of service returned to this court.

Người đã đưa kiến nghị này sẽ sắp xếp việc tổng đạt riêng và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Clerk's Action. The court clerk shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to the agency and/or party checked above. The court clerk shall also provide a copy of this order to the protected person.

Việc Lục Sự Làm. Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp một bản sao lệnh này vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo cho cơ quan và/hoặc đương sự được đánh dấu trên đây. Lục sự tòa án cũng phải cung cấp một bản sao lệnh này cho người được bảo vệ.

☐ **Alternative Service Allowed.** The court authorizes alternative service by separate order (*specify*): _____

Cho Phép Tổng Đạt Thay Thế. Tòa án cho phép tổng đạt thay thế bằng lệnh riêng (*nêu rõ*): _____

☐ **Not Required.** The restrained person appeared at the hearing, in person or remotely, and received notice of the order. No further service is required. See section

2 above for appearances. (May apply even if the restrained person left before a final ruling is issued or signed.)

Không Bắt Buộc. Người bị ngăn cấm hiện diện tại phiên xét xử, trực tiếp hoặc từ xa, và nhận được thông báo về lệnh. Không cần phải tổng đạt thêm. Xem mục 2 trên đây về việc hiện diện. (Có thể áp dụng cho dù người bị ngăn cấm rời đi trước khi phán quyết cuối cùng được ban hành hoặc ký.)

8. ☐ **Service on Others (Vulnerable Adult or Restrained Person under age 18)**

Tổng Đạt cho Những Người Khác (Người Lớn Yếu Thế hoặc Người Bị Ngăn Cấm dưới 18 tuổi)

Service on the ☐ vulnerable adult ☐ adult's guardian/conservator ☐ restrained person's parent/s or legal guardian/s (name/s) _____ is:
Tổng đạt cho [-] người lớn yếu thế [-] người giám hộ/người bảo hộ của người lớn [-] cha mẹ hoặc (các) người giám hộ hợp pháp của người bị ngăn cấm ((các) tên) _____ là:

☐ **Required.**
Bắt buộc.

☐ The **law enforcement agency** where the person to be served lives or can be served shall serve a copy of this order and shall promptly complete and return proof of service to this court.

Cơ quan thực thi pháp luật nơi người sẽ được tổng đạt sống hoặc có thể được tổng đạt sẽ tổng đạt một bản sao lệnh này và phải nhanh chóng hoàn tất và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Law enforcement agency: (county or city) _____

(check only one): ☐ Sheriff's Office or ☐ Police Department

Cơ quan thực thi pháp luật: (quận hoặc thành phố)

(đánh dấu chỉ một mục): [-] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng hoặc [-] Sở Cảnh Sát

☐ The **person who made this motion** shall make private arrangements for service and have proof of service returned to this court.

Người đã đưa kiến nghị này sẽ sắp xếp việc tổng đạt riêng và gửi lại bằng chứng tổng đạt cho tòa án này.

Clerk's Action. The court clerk shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to the agency and/or party checked above.

Việc Lục Sự Làm. Lục sự tòa án sẽ chuyển tiếp một bản sao lệnh này vào hoặc trước ngày xét xử tiếp theo cho cơ quan và/hoặc đương sự được đánh dấu trên đây.

☐ **Not Required.** They appeared at the hearing where this order was issued and received a copy.

Không Bắt Buộc. Họ hiện diện tại phiên xét xử nơi lệnh này đã được ban hành và nhận được một bản sao.

Ordered.
Lệnh.

Dated: _____ at _____ a.m./p.m. _____
Đề ngày: _____ **lúc** _____ **a.m./p.m.** **Judge/Court Commissioner**
Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa Án

Print Judge/Court Commissioner Name

Viết In Tên Của Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa Án

I received a copy of this order:

Tôi đã nhận được một bản sao lệnh này.



Signature of Respondent/Lawyer WSBA No.
Chữ Ký của Bị Đơn/Luật Sư WSBA Số

Print Name
Tên Viết In

Date
Ngày



Signature of Petitioner/Lawyer WSBA No.
Chữ Ký của Nguyên Đơn/Luật Sư WSBA Số

Print Name
Tên Viết In

Date
Ngày

Important! Protected Person, if you ask for it, you have the right to be notified if the restrained person gets their surrendered firearms back. You must contact the law enforcement agency that has the firearms to ask for this notice. The Proof of Surrender in the court file should say which agency has the firearms. (RCW 9.41.340)

Quan Trọng! Người Được Bảo Vệ, nếu quý vị yêu cầu, quý vị có quyền được thông báo nếu người bị ngăn cấm lấy lại súng đã giao nộp của họ. Quý vị phải liên hệ với cơ quan thực thi pháp luật có súng để yêu cầu thông báo này. Bằng Chứng Giao Nộp trong hồ sơ tòa án phải cho biết cơ quan nào có súng. (RCW 9.41.340)

Hope Card: A Hope Card is a small card you can easily carry that has some details of your protection order. It's one way to show you have a full protection order. You can request one at www.courts.wa.gov/hopecard.

Hope Card: Hope Card là một thẻ nhỏ mà quý vị có thể mang theo một cách dễ dàng, thẻ này có một số chi tiết của lệnh bảo vệ. Đó là một cách chứng minh là quý vị có một lệnh bảo đầy đủ. Quý vị có thể yêu cầu một thẻ tại www.courts.wa.gov/hopecard.